

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường
2. Bà Lê Thị Hồng Chiến

- Thư ký phiên tòa: bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 604/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)
2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2018, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành L xây dựng hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, tổ chức lễ cưới năm 2010 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B ngày 26/5/2010. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh L thường xuyên rượu chè, không chăm lo gia đình, chị đã nhắc nhở nhiều lần nhưng

anh L không sửa đổi mà còn đánh đập chị. Không chịu đựng được nữa nên chị có đề xuất ly hôn thì anh L năn nỉ, xin lỗi nên chị cũng đã nhiều lần tha thứ cho anh L. Tuy nhiên, chỉ được một thời gian anh L lại trở về bản tính cũ không chịu sửa đổi. Sự việc gần nhất là vào tháng 12/2018, anh L chở chị trên xe máy với tốc độ rất nhanh nên chị có nhắc nhở anh L chạy chậm lại nhưng anh L không nghe, sau đó anh L dừng xe lại dùng nón bảo hiểm đánh vào đầu chị nhiều cái. Việc anh L thường xuyên rượu chè say xỉn về đánh đập chị gia đình anh L đều biết nhưng không can ngăn được. Bên cạnh đó, anh L còn nghi ngờ con chung Nguyễn Thị Huyền T không phải là con ruột anh nên anh thường hay la mắng và đánh cháu nên cháu T rất buồn và sinh ra sợ hãi đối với cha. Từ tháng 12 năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên đều biết và có động viên, hòa giải để vợ chồng hàn gắn nhưng chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh L đã trầm trọng vì chị không còn tình cảm và mất lòng tin với anh L, cuộc sống của chị và anh L không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 09/01/2010 và Nguyễn Trần Quỳnh A, sinh ngày 20/12/2012. Hiện nay, ban ngày 02 con đi học rồi về nhà anh L ở, đến tối chị đón 02 con về ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, thời điểm ly thân của vợ chồng nhưng chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đánh đập chị H là không đúng. Do anh làm thợ hồ mỗi khi cuối tuần chủ nhà có tổ chức tiệc nhậu nên anh có uống rượu, thấy anh nhậu nhẹt chị H không thích nên vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau, lúc cự cãi anh nóng tính nên có đánh chị H một bạt tai, sau đó vợ chồng vẫn hòa thuận bình thường. Đối với cháu T, do chị H mang thai cháu T trước khi cưới nên thời gian đầu sau khi cưới anh có nghi ngờ cháu T không phải con anh nhưng sau này anh không còn nghi ngờ nữa. Do cháu T thỉnh thoảng ham chơi nên anh có la mắng cháu nhưng không có đánh cháu như chị H trình bày. Hiện nay, anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn. Anh hứa sẽ sửa đổi tính tình, yêu thương vợ con nhiều hơn để vợ chồng tiếp tục chung sống chăm lo cho con.

Về con chung: trong thời gian chung vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 09/01/2010 và Nguyễn Trần Quỳnh A, sinh ngày 20/12/2012. Hiện nay, ban ngày thì cháu Huyền T và Quỳnh A đi học rồi về ở bên nhà anh, buổi tối chị H đón 02 con về nhà chị H. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa chị H trình bày:* chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh L. Về con chung chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Huyền T và đồng ý để cháu Nguyễn Trần Quỳnh A cho anh L nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Huyền T, chị cũng không cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: chị H và anh L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị H và anh L là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải được, chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với anh L. Anh L cho rằng còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian ly thân chị H và anh L vẫn không hòa giải hàn gắn được. Qua đó, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: chị H và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 09/01/2010 và Nguyễn Trần Quỳnh A, sinh ngày 20/12/2012. Trong quá trình tố tụng anh L có ý kiến muốn được nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được nuôi

đưỡng cháu Huyền T và tự nguyện để cháu Quỳnh A cho anh L nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Huyền T. Và tại biên bản lấy ý kiến ngày 03/01/2019 cháu Huyền T có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Qua đó, nhận thấy yêu cầu của chị H là phù hợp với nguyện vọng của cháu Huyền T và cũng phù hợp với ý kiến của anh L, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huyền T của chị H. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H đồng ý để cháu Quỳnh A cho anh L nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị H và anh L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thành L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Thành L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 26 tháng 5 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp.

[2.1] Xét thấy, về mâu thuẫn của vợ chồng chị H cho rằng anh L thường xuyên rượu chè say xỉn về chửi mắng và đánh đập chị, chị đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên bảo nhưng anh L vẫn không sửa đổi. Bên cạnh đó anh L còn nghi ngờ cháu T không phải con anh nên thường la mắng và đánh cháu, làm cháu sinh ra sợ hãi đối với anh L. Anh L cho rằng anh không có đánh đập chị H, chỉ khi vợ chồng cự cãi anh nóng tính nên có đánh chị H một bạt tai. Đối với cháu T anh thừa nhận trước đây có nghi ngờ cháu không phải con anh nhưng sau này đã không còn, anh la mắng cháu là do cháu ham chơi và cũng vì muốn dạy dỗ cháu. Xét thấy, mặc dù chị H và anh L không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị H xin ly hôn nhưng thực tế giữa vợ chồng đã tồn tại mâu thuẫn mà hai bên không hòa giải được dẫn đến vợ chồng sống ly thân.

[2.2] Tại biên bản xác minh của Tòa án, đại diện Ủy ban nhân dân xã A, huyện B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị H - anh L là gì địa phương không rõ do đây là chuyện riêng trong gia đình nên địa phương không biết được. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Trần Thị H – mẹ ruột anh L thì bà H cho rằng trong thời gian chung sống anh L không có đánh đập chị H mà do anh L đi làm hay được chủ nhà đãi nhậu nên cũng hay uống rượu, chị H bắt mẫn anh L thường xuyên rượu chè nên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, bà và cha mẹ chị H cũng đã hết lòng khuyên bảo chị H trở về với anh L nhưng chị H không đồng ý. Qua đó, thấy rằng giữa vợ chồng chị H và anh L có mâu thuẫn với nhau, mâu thuẫn này kéo dài đã lâu cha mẹ hai bên đều biết và đã khuyên bảo, động viên vợ chồng hàn gắn nhưng không được.

[2.3] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng hạnh phúc gia đình và giữa vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng chị H và anh L đã không làm được những điều trên. Qua đó, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh L lâm vào mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 09/01/2010 và cháu Nguyễn Trần Quỳnh A, sinh ngày 20/12/2012. Hiện nay, cháu Huyền T đã trên 7 tuổi, còn cháu Quỳnh A chưa được 7 tuổi, cả 02 cháu đang sống cùng chị H và anh L. Xét yêu cầu của chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huyền T, Hội đồng xét xử xét thấy: tại biên bản lấy ý kiến ngày 03/01/2019 cháu Huyền T có nguyện vọng được sống cùng mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn; bên cạnh đó bản thân anh L cũng từng nghi ngờ cháu T không phải con anh nên thường hay la mắng cháu, điều này đã làm ảnh hưởng phần nào đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Huyền T cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét thấy chị H tự nguyện để cháu Quỳnh Anh cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của anh L và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa chị H tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung Huyền T và trong quá trình tố tụng anh L có ý kiến không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Ngọc H phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Trần Thị Ngọc H ly hôn với anh Nguyễn Thành L.
2. Về con chung: cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 09/01/2010 và cháu Nguyễn Trần Quỳnh A, sinh ngày 20/12/2012.

Chị Trần Thị Ngọc H có quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 09/01/2010. Ghi nhận chị Trần Thị Ngọc H tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Thành L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thành L có quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần Quỳnh A, sinh ngày 20/12/2012. Ghi nhận anh Nguyễn Thành L tự nguyện không yêu cầu chị Trần Thị Ngọc H cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp.
4. Về nợ chung: không có.
5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Ngọc H phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0022110 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện Ba Tri;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Nhi